TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/HS-ST
Ngày 30 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phương Văn Tư và ông Lã Văn Trường.
- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 79/2024/TLST-HS ngày 05/9/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2024/QĐXXST-HS ngày 09/9/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2024/HSST-QĐ ngày 23/9/2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn Đ; tên gọi khác: không; Sinh ngày 23 tháng 9 năm 1998 tại xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú và nơi ở: xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 10/12; Con ông Hoàng Lương B, sinh năm 1969, đã chết năm 2021 và bà Nông Thị H, sinh năm 1970; Vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không;

Đặc điểm nhân thân: ngày 24/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định số 06/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 18 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 24/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2. Hoàng Văn T; tên gọi khác: không; Sinh ngày 27 tháng 9 năm 1993 tại xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi thường trú và nơi ở: xóm P, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; tôn giáo: không; giới tính: nam; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hoàng Văn Ư, sinh năm 1971 và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1971; Vợ: Dương Thị H, sinh năm 1995; Con: Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 2016; Tiền án: không;

Tiền sự: 01 tiền sự, ngày 31/10/2023, Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 2.500.000 đồng;

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/7/2024 cho đến nay tại xóm P, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nông Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: xóm N, xã Đ, huyện T, Cao Bằng (đại diện theo uỷ quyền). Có mặt.

2. Anh Hoàng Văn T1, sinh năm 2002; địa chỉ: xóm B, xã N, huyện T, Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lục Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: xóm T, xã N, huyện T, Cao Bằng. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Lý Trường D, sinh năm 1995; địa chỉ: xóm T, xã N, huyện T, Cao Bằng (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Lục Văn G, sinh năm 1989; địa chỉ: xóm T, xã N, huyện T, Cao Bằng (hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn Đ, sinh năm 1998, trú tại xóm N, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng là đối tượng nghiện chất ma túy, không có công việc ổn định, trong tháng 5 năm 2024, Đ đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản:

- *Vụ thứ nhất:* Do biết Đền H thuộc xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng chỉ có một người quản lý và không thường xuyên có mặt nên Hoàng Văn Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để có tiền mua ma túy sử dụng. Khoảng 06 giờ ngày 08/5/2024, Đ đi bộ từ nhà đến Đền H. Quan sát xung quanh không có ai, Đ trèo qua tường vào khoảng sân giữa hai cung bên trong Đền. Sau đó, Đ rút dây Camera ra khỏi ổ điện, xoay mắt Camera vào bên trong tường, đi đến chỗ để hòm công đức được làm bằng nhôm kính, đặt trên chiếc ghế nhựa màu đỏ, bên trong hòm chứa nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau, được đặt ở cung ngoài. Đ bê chiếc hòm trèo qua tường ra ngoài, bê chiếc hòm xuống khu vực sườn đồi hướng Tây, cách Đền H 37 mét. Tại đây, Đ đập vỡ kính, lấy tiền cho vào túi áo, túi quần, rồi đẩy chiếc hòm xuống rãnh. Sau đó, Đ đến bờ sông thuộc xóm N, xã N, huyện T thì gặp Lý Trường D, sinh năm 1995, trú tại xóm T, xã N, huyện T. Tại đây, Đ đưa cho D 500.000 đồng để D đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, Đ lấy số tiền lẻ trong túi áo và túi quần ra cùng D kiểm đếm. D đếm được 240.000 đồng, Đ

đếm được 500.000 đồng. Sau khi đếm xong, Đ đưa cho D 40.000 đồng mua thuốc lá và nước uống. Tổng số tiền Đ trộm được 4.200.000 đồng đã sử dụng vào việc mua ma túy, trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

- *Vụ thứ hai:* Khoảng 08 giờ ngày 20/5/2024, Hoàng Văn Đ đến xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng, quan sát thấy nhà Hoàng Văn T1, sinh năm 2002, khóa cửa trước, cửa bếp không khóa, Đ đi vào nhà T1 lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y19 màu đen, màn hình cảm ứng, số IMEI 1: 868797047445830, số IMEI 2: 868797047445822, đã qua sử dụng. Sau đó, Đ tháo sim điện thoại vứt đi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đ gặp Hoàng Văn T, sinh năm 1993, trú tại xóm P, xã N, huyện T tại sân nhà Lục Văn G, sinh năm 1989, trú tại xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tại đây, Đ đưa cho G 100.000 đồng. T đưa cho G 300.000 đồng với mục đích nhờ G đi mua ma túy giúp. G nhận tiền đi mua ma túy. Đ và T chờ G. Qua nói chuyện, Đ có cho T xem chiếc điện thoại vừa trộm cắp được nhưng T không quan tâm. G mua được ma túy quay về để gói ma túy có trị giá 200.000 đồng xuống đất. Đ cầm lấy đổ vào xi lanh kim tiêm Đ đã chuẩn bị sẵn để sử dụng. Gói ma túy còn lại, G và T chia nhau sử dụng. Do nghĩ Đ chỉ bỏ ra 100.000 đồng nhưng lại sử dụng ma túy tương đương 200.000 đồng là đã sử dụng vào số tiền của mình nhờ G đi mua. T cầm lấy chiếc điện thoại của Đ xem nhưng không mở được nên hỏi mật khẩu. Đ nói điện thoại do trộm cắp được mà có nên không biết mật khẩu và T nói với Đ là T lấy điện thoại của Đ để trừ vào số tiền Đ đã sử dụng ma túy vượt quá số tiền Đ nhờ G mua. Đ đồng ý. T lấy chiếc điện thoại về nhà cất giấu, khi có tiền sẽ đi phá mật khẩu. Đến ngày 23/5/2024, Công an xã N, huyện T đã tạm giữ chiếc điện thoại để điều tra làm rõ.

Ngày 12/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh có văn bản yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Trùng Khánh định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 32/KL - HĐĐGTS ngày 24/6/2024 của Hội định định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trùng Khánh kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y19 tại thời điểm định giá có trị giá 1.167.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKSTK ngày 05 tháng 9 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố:

- Truy tố bị cáo Hoàng Văn Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Truy tố bị cáo Hoàng Văn T về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Đ khai nhận hành vi phạm tội của mình diễn ra đúng như Cáo trạng đã truy tố. Việc truy tố là đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo Đ tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 4.200.000 đồng cho Đền H (bao gồm cả số tiền 40.000 đồng đã đưa cho D). Bị cáo Hoàng Văn Đ nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Hoàng Văn T không thừa nhận hành vi của mình như bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo cho rằng khi lấy chiếc điện thoại với bị cáo Đ bị cáo không biết đó là điện thoại do trộm cắp mà có vì bị cáo có hỏi mật khẩu của điện thoại thì được Đ cho biết là điện thoại do Đ nhặt được của những người đi bốc vác hàng thuê ở xã N. Việc các lời khai tại Cơ quan điều tra là bị cáo khai theo lời khai của cán bộ công an lấy lời khai.

Bị hại Nông Thị H khai: Nội dung vụ việc như bản cáo trạng đã nêu. Nay bà yêu cầu bị cáo Hoàng Văn Đ phải bồi thường số tiền đã lấy trộm của Đền H, đối với chiếc thùng công đức không yêu cầu lấy lại vì đã bị hỏng và cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; Về hình phạt đề nghị xử lý bị cáo Đ theo pháp luật. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì thêm.

Bị hại Hoàng Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Cơ quan điều tra đã được lấy lời khai và có yêu cầu được trả lại chiếc điện thoại mà bị cáo Đức đã lấy trộm; về hình phạt đề nghị xử lý bị cáo theo pháp luật. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/9/2024, anh T1 cũng đề nghị được trả lại chiếc điện thoại, đề nghị xử lý bị cáo theo pháp luật. Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lục Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được lấy lời khai tại Cơ quan điều tra, tại Bản lấy lời khai anh T trình bày: Ngày 09/5/2024 anh có được Hoàng Văn Đ trả 500.000 đồng là tiền mà Đ trước đó đã vay anh. Sau khi biết là tiền do Đ phạm tội mà có nên anh đã tự nguyện giao nộp số tiền cho Công an. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25/9/2024, anh T không có yêu cầu gì đối với số tiền 500.000 đồng này, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra, không có yêu cầu gì thêm.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/9/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Trường D trình bày: Khoảng 09 giờ sáng ngày 08/5/2024, tôi gặp Đ ở bờ sông thuộc xóm N, xã N, huyện T. Tại đây, Đ đưa cho tôi 500.000 đồng để tôi đi mua ma túy về cùng nhau sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, Đ lấy số tiền lẻ trong túi áo và túi quần ra nhờ tôi đếm giúp, tôi đếm được 240.000 đồng. Sau khi đếm xong, Đ đưa cho tôi 40.000 đồng để mua thuốc lá và nước uống. Tôi có hỏi Đ về nguồn gốc số tiền thì được biết là Đức lấy trộm ở Đền H. Số tiền 40.000 đồng mà Đ đưa thì tôi đã chi tiêu hết. Nay nếu bị hại yêu cầu bồi thường thì tôi nhất trí bồi thường, trường hợp nếu Đ đồng ý bồi thường toàn bộ cho bị hại (bao gồm cả số tiền 40.000 đồng đã cho tôi) thì tôi cũng đồng ý. Do tôi đang bị tạm giam nên tôi xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Đ phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*, bị cáo Hoàng Văn T phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 hòm khung nhôm kính, một mặt của hòm có in dòng chữ hòm công đức, một mặt có khoá trong tình trạng khoá, vật chứng kể trên được cho vào một hòm bìa cát tông ghi "Vật chứng vụ trộm cắp tài sản, xảy ra tại Đền H, xóm Đ, xã Đ, huyện T, Cao Bằng", xung quanh hòm bìa cát tông có dán giấy niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia biên bản và đóng 04 hình dấu mực màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh.

- Trả lại cho bà Nông Thị H: 01 phong bì thư, mặt trước ghi "Bì thư số 41, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) là vật chứng do Hoàng Văn Đ trộm cắp tài sản ngày 08/5/2024 tại Đền H – xã Đ được Lục Văn T xóm T, xã N nộp lại cho Cơ quan điều tra vào ngày 17/7/2024.

- Trả lại cho anh Hoàng Văn T1, sinh năm 2002; trú tại xóm B, xã N, huyện T, Cao Bằng: 01 điện thoại di động vỏ màu đen, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, số IMEI: 868797047445830 tạm giữ của Hoàng Văn T ngày 23/5/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đ phải bồi thường số tiền 3.700.000 đồng cho đại diện của bị hại bà Nông Thị H; về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn Đ, bị hại Nông Thị H không có ý kiến tranh luận. Bị cáo Hoàng Văn T tranh luận cho rằng mức án mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là quá cao.

Kiểm sát viên tranh luận: Tất cả lời khai, bản tự khai bị cáo đều thừa nhận biết rõ chiếc điện thoại là tài sản do trộm cắp mà có, tại phiên tòa bị cáo cũng thừa nhận tại Cơ quan điều tra không bị ép cung, nhục hình; mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là ở mức khởi điểm của khung hình phạt. Do vậy, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm đã đề nghị.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo Đ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt; bị cáo T mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo Đ đã thành khẩn khai và thừa nhận hành vi của mình như toàn bộ nội dung của bản Cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Có căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Trong tháng 5 năm 2024, Hoàng Văn Đ đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản.

- *Vụ thứ nhất:* Khoảng 06 giờ ngày 08/5/2024, Đ một mình trèo vào Đền H thuộc xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng lấy trộm được 4.200.000 đồng trong hòm công đức được đặt tại cung trước của Đền.

- *Vụ thứ hai:* Khoảng 08 giờ ngày 20/5/2024, Đ vào nhà Hoàng Văn T1, sinh năm 2002, trú tại xóm B, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y19, có trị giá 1.167.000 đồng.

Sáng ngày 20/5/2024, tại xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Hoàng Văn T biết rõ chiếc điện thoại của Hoàng Văn Đ là tài sản do trộm cắp mà có nhưng T vẫn lấy chiếc điện thoại của Đ để trừ nợ 100.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Hoàng Văn Đ là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo Hoàng Văn Đ nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Bị cáo trộm cắp tài sản có tổng trị giá 5.367.000 đồng là tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn T tại phiên tòa không thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng và kết luận trong phần luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo T cho rằng tại Cơ quan điều tra bị cáo đã khai theo sự hướng dẫn của người lấy lời khai vì thực tế bị cáo không được Đ cho biết là điện thoại do trộm cắp mà có. Tuy nhiên, lời khai của bị cáo tại phiên tòa là không có căn cứ vì trong quá trình điều tra bị cáo đã được lấy lời khai, trong các bản tự khai bị cáo đều được ký vào từng câu trả lời và biên bản lấy lời khai; ngoài ra bị cáo còn được viết bản tự khai, tại bản tự khai bị cáo đã thể hiện rõ khi lấy chiếc điện thoại bị cáo biết điện thoại do Đ trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn lấy. Khi được đối chất với bị cáo Đ (Sau khi tách bị cáo Đ và T để thẩm tra lời khai) thì bị cáo Đ khẳng định được nói với bị cáo T là điện thoại do trộm cắp mà có. Hành vi của

bị cáo Hoàng Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến trật tự công cộng, tạo điều kiện khuyến khích những người khác đi vào con đường phạm tội. Bị cáo nhận thức được việc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, đồng thời khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo không hứa hẹn trước, biết rõ chiếc điện thoại của Đ là do trộm cắp mà có nhưng vẫn lấy chiếc điện thoại để trừ nợ 100.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố và đề nghị mức án đối với các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn T là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Về nhân thân: Các bị cáo đều là người sử dụng trái phép chất ma tuý; bị cáo Đ đã từng bị Tòa án áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào năm 2021; bị cáo T có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy, cả hai bị cáo đều là người có nhân thân xấu.

Khi phạm tội các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo Hoàng Văn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại phiên toà, bị cáo Hoàng Văn T thay đổi lời khai, không nhận tội nhưng đều thừa nhận các lời khai tại Cơ quan điều tra là bị cáo tự nguyện khai và khi được nói lời sau cùng bị cáo chỉ xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ chứ không cho rằng bị truy tố oan; các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cả hai được áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo thấy rằng cần phải xử nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, nhằm răn đe giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO tạm giữ của Hoàng Văn T ngày 23/5/2024. Đây là điện thoại của bị hại T1 nên cần trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

- 01 hòm khung nhôm kính, một mặt của hòm có in dòng chữ hòm công đức, một mặt có khoá trong tình trạng khoá, vật chứng kể trên được cho vào một hòm bìa cát tông ghi "Vật chứng vụ trộm cắp tài sản, xảy ra tại Đền H". Tại phiên tòa, đại

diện của bị hại không yêu cầu lấy lại, xét không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

- 01 phong bì thư, mặt trước ghi "Bì thư số 41, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) là vật chứng do Hoàng Văn Đ trộm cắp tài sản ngày 08/5/2024 tại Đền H – xã Đ được Lục Văn T xóm T, xã N nộp lại cho Cơ quan điều tra vào ngày 17/7/2024. Đây là tiền do bị cáo Đ phạm tội mà có nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, đại diện của bị hại bà Nông Thị H yêu cầu bị cáo Hoàng Văn Đ phải bồi thường số tiền mà bị cáo đã lấy trộm 4.200.000 đồng. Do vậy, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền này cho đại diện của bị hại bà Nông Thị H. Đã tạm giữ được số tiền 500.000 đồng, nay bị cáo còn phải bồi thường số tiền 3.700.000 đồng.

Bị hại Hoàng Văn T1 không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo làm nghề trồng trọt, không có công việc có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ.

[7]. Các nhận định khác: Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn T, Lục Văn G, Lý Trường D khai ra hành vi liên quan đến ma túy. Tuy nhiên, ngoài lời khai ra không có tài liệu, chứng cứ gì thêm. Do đó, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý là đúng theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Hoàng Văn Đ khai mua ma túy với Nông Văn M. Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét người và nơi ở của M, kết quả không phát hiện thu giữ được đồ vật tài liệu có liên quan. Ngoài lời khai của Đ ra Cơ quan điều tra không có tài liệu chứng minh, nên không có đủ tài liệu để xử lý M là đúng theo quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Các bị cáo là người bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Đ phải bồi thường về dân sự nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[9]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn Đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Đ phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*, bị cáo Hoàng Văn T phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 09 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 24/5/2024.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 06 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn Đ phải bồi thường cho bà Nông Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: xóm N, xã Đ, huyện T, Cao Bằng số tiền 3.700.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 hòm khung nhôm kính, một mặt của hòm có in dòng chữ hòm công đức, một mặt có khoá trong tình trạng khoá, vật chứng kể trên được cho vào một hòm bìa cát tông ghi "Vật chứng vụ trộm cắp tài sản, xảy ra tại Đền H, xóm Đ, xã Đ, huyện T, Cao Bằng", xung quanh hòm bìa cát tông có dán giấy niêm phong có chữ ký của các thành phần tham gia biên bản và đóng 04 hình dấu mực màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh.

- Trả lại cho bà Nông Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: xóm N, xã Đ, huyện T, Cao Bằng: 01 phong bì thư, mặt trước ghi "Bì thư số 41, số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) là vật chứng do Hoàng Văn Đ trộm cắp tài sản ngày 08/5/2024 tại Đền H – xã Đ được Lục Văn T xóm T, xã N nộp lại cho Cơ quan điều tra vào ngày 17/7/2024.

- Trả lại cho anh Hoàng Văn T1, sinh năm 2002; địa chỉ: xóm B, xã N, huyện T, Cao Bằng: 01 điện thoại di động vỏ màu đen, màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, số IMEI: 868797047445830 tạm giữ của Hoàng Văn T ngày 23/5/2024.

Xác nhận số vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận ngày 05/9/2024.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn T mỗi người phải chịu 200.000 đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Riêng bị cáo Hoàng Văn Đ phải chịu thêm 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn T, bị hại Nông Thị H có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại Hoàng Văn T1 vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Trường D, Lục Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Sở tư pháp Cao Bằng;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện;
- Các bị cáo; bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Quốc Hùng